

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG
TTYT H. GIỒNG RIỀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 232/QĐ-TTYT

Giồng Riềng, ngày 01 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN GIỒNG RIỀNG

*Căn cứ vào nhu cầu của Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng;
Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;
Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

Căn cứ quyết định số: 230/QĐ-TTYT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng về việc Phê duyệt Dự toán mua thuốc, vật tư y tế phục vụ cho công tác chữa bệnh.

Xét năng lực tài chính, khả năng, uy tín và chất lượng cung cấp hàng hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chọn: Công ty cổ phần dược Doanh Trí
Địa chỉ: Lô P25-08, đường 3/2, KĐT Phú Cường, Phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.
Là đơn vị có đủ năng lực: cung cấp thuốc, vật tư y tế nhằm phục vụ công tác chữa bệnh.

Điều 2. Công ty cổ phần dược Doanh Trí có trách nhiệm cung cấp hàng hóa theo số lượng, chất lượng và giá cả theo báo giá của công ty.
Tổng số tiền là: **23.023.800** đồng (Hai mươi ba triệu, hai mươi ba ngàn, tám trăm đồng).

Điều 3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giao trách nhiệm cho Khoa Dược-TTB-VTYT có trách nhiệm thông báo kết quả phê duyệt lựa chọn nhà thầu, thương thảo ký kết hợp đồng và thực hiện các bước tiếp theo đúng qui định hiện hành của nhà nước.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Khoa Dược-TTB-VTYT và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành hành quyết định này. *W*

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Công TTĐT TTYT GR;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Nhi
Lê Văn Nhi

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 232/QĐ-TTĐT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm
Y tế huyện Giồng Riềng)

Đvt: đồng

Stt	Tên thuốc	Đvt	Số Lượn g	Gía bán	Thành Tiền
1	Naphacogyl#Rodogyl-H/20vie-NHà	Hộp	1	22.000	22.000
2	BComplex-V/10vie-PP	Ví	20	2.650	53.000
3	Bipp C cam-H/35gói*10 viên-HGiang	Hộp	3	90.000	270.000
4	Calciclorid-Inj-H/50A-VPhúc	Hộp	1	75.000	75.000
5	Calcium+D-H/100vie-Q4,TNam	Hộp	7	30.000	210.000
6	Danzym 10-H/100vie-PP	Hộp	3	39.000	117.000
7	Dexamethasone 4mg/1ml-H/10A-BĐ	Hộp	9	19.000	171.000
8	Diclofenac 7,5mg/3ml Inj-H/10-BĐ	Hộp	1	22.000	22.000
9	Edoz Kids(A.Citric)- g/2gr h/24-HG	Hộp	36	33.000	1.188.000
10	Gastrogel-V/10-DL	Ví	40	6.300	252.000
11	Gentamicina Kabi (nâuÝ mới)-H/100-Bidi	Hộp	1	247.000	247.000
12	Glucose 30% (đầu loe) H/50A-BĐi	Hộp	2	75.000	150.000
13	Glucose 5% 500ml (nhựa) _Bidi	Chai	42	13.500	567.000
14	Hydrocortison 100mg/2ml-H/1C-(BĐinh)	Cặp	15	18.000	270.000
15	Lactated Ringer's-Ch/500ml-Bitech	C/500	220	13.000	2.860.000
16	Lidocain 2%/2ml- H/100A - Bidi	Hộp	3	79.000	237.000
17	Magnesi B6-H/50vie-PP-Usar	Hộp	20	13.000	260.000
18	Meko Cepha 250 gói-H/24 gói-Mko	Hộp	10	38.000	380.000
19	Metoclopramid 10mg/2ml(Primeperan)-Bđi	H/12A	2	24.500	49.000
20	Natri Clorid 0,9%-Ch/500ml-Bitech	C/500	92	12.500	1.150.000
21	Natri clorid 0.9% nhỏ mắt-Ch/10ml-DL	Chai	70	3.400	238.000
22	Neostyl đặt #Neo Tergynan-H/10vie-SPM	Hộp	13	25.000	325.000
23	Nystatin 500.000UI-H/2*8-VĐi	Hộp	5	17.000	85.000

24	OCID 20mg Omeprazole-H/100 viên-India	Hộp	29	29.000	841.000
25	Pharton Usarich (Vita+GS)-H/60vie-PP	Hộp	9	35.000	315.000
26	Phospha H/26gói_Pháp	Hộp	12	129.000	1.548.000
27	Piracetam Kabi 1g/5ml-H/12A-Bdi	Hộp	6	41.000	246.000
28	Prednisolon 5mg-V/20vie-VDi	Vỉ	150	3.850	577.500
29	Rob Euca #Euca xanh-H/100vie-TVp	Hộp	5	55.000	275.000
30	Rob Euca Fort #Euca Đỏ-H/100vie-TVp	Hộp	4	60.000	240.000
31	Rotundin ODT-Rotundin 30mg-H /30 viên	H/30v	3	44.100	132.300
32	Rutin vitamin C (50+50)-H/100vie-TN	Hộp	6	23.000	138.000
33	Salonpas dán - HN/40 miếng	HN/40	4	52.000	208.000
34	Tamgezyl 500mg Dài (Tanganyl#Pháp)	H/20	23	15.000	345.000
35	Telfor 120 (Fexo)-V/10 h/20-HG	Hộp	2	47.000	94.000
36	Test thử thai Pregnancy HCG(xanh)-H/1que	Hộp	50	5.000	250.000
37	Tophem-Fe- H/100-Dnp	Hộp	2	62.000	124.000
38	Topralsin#Toplexin-C/24-CL. Benovas	Chai	17	9.900	168.300
39	Toussolene 5mg(Theralen)-V/25-(KHo)	Vỉ	20	3.600	72.000
40	Vincopane#Buscopan A:20mg/1ml-VPhuc	H/10A	9	71.000	639.000
41	Vincozyn Plus-H/10A-VPhúc	Hộp	1	17.500	17.500
42	Vitamin B1B6B12 New-hồng#Nhật-V/10vie	Vỉ	100	2.200	220.000
43	Vitamin C 500mg (Nén) V/10 - QB	Vỉ	30	2.500	75.000
44	Vitamin C 500mg/5ml- H/6A- BĐ	Hộp	8	16.000	128.000
45	Vitamin PP 500mg- H/100-MK	Hộp	4	38.800	155.200
46	Voltaren inj 75mg- H/5A- Novartis	Hộp	13	110.000	1.430.000
47	YBIO (Lacto)- g/1g H/24-HG	Hộp	22	41.000	902.000
48	Spasmonavin-V/15vie-KHo(TN) (H/20 vỉ)	Vỉ/15v	70	4.200	294.000

49	Suwelin inj 300mg-Cime-H/10-Taiwan	Hộp	9	79.000	711.000
50	T Vitamin E400IU -H/100vie-Medi(Robi)-3	Hộp	1	58.000	58.000
51	Alpha Chymotrypsin AI/AI-H/50vien-US	H/50vi	38	52.000	1.976.000
52	Dogwazin 50-Sulpirid- H/30-TNam	Hộp	10	11.000	110.000
53	Hamet (Diosmectite)-G/ 3.8gr h/24-HG	Hộp	24	51.500	1.236.000
54	Mitux gói 200(Acetyl Cystein)-H/24gói-HGi	Hộp	6	32.000	192.000
55	Mitux E 100(Acetyl Cystein)-H/24 gói-Hgi	Hộp	4	27.000	108.000
Tổng cộng					23.023.800